

Độ phân giải giữa pic của saikosaponin A với pic gần nhất trên sắc ký đồ dung dịch thử không được nhỏ hơn 1,5.

Tiến hành sắc ký với các dung dịch chuẩn đã pha ở trên. Vẽ đường biểu thị sự liên quan giữa diện tích pic saikosaponin A và nồng độ các dung dịch tương ứng.

Tiến hành sắc ký với dung dịch thử. Xác định pic saikosaponin A trên sắc ký đồ của dung dịch thử bằng cách so sánh thời gian lưu với pic saikosaponin A trên sắc ký đồ của dung dịch chuẩn. Thời gian lưu của pic saikosaponin trên hai sắc ký đồ khác nhau không được quá 3,0 %.

Tính hàm lượng saikosaponin A trong dược liệu dựa vào diện tích pic saikosaponin A trên sắc ký đồ của dung dịch thử, đường chuẩn đã lập.

Dược liệu phải chứa không ít hơn 0,16 % saikosaponin A ($C_{42}H_{68}O_{13}$), tính theo dược liệu khô kiệt.

Chế biến

Sài hồ thái khúc (thái nhỏ): Loại bỏ tạp chất và phần sót lại của thân, lá, rửa sạch, ủ mềm, thái khúc 2 cm đến 3 cm, phơi hoặc sấy nhẹ (40 - 50 °C) đến khô, dùng sống (thường dùng). Dùng sống trị ngoại cảm, có tác dụng thanh nhiệt, lợi tiểu, ra mồ hôi (phát hãn).

Mô tả: Những phiến dày không đều. Bên ngoài màu nâu đen hoặc nâu nhạt, có các nếp nhăn dọc và vết sẹo của rễ con. Bề mặt phiến hơi trắng ngà, có xơ. Chất cứng. Mùi thơm nhẹ, vị hơi đắng.

Bột, Định tính, Độ ẩm, Tro toàn phần, Tro không tan trong acid, Chất chiết được trong dược liệu, Định lượng: Yêu cầu và phương pháp thử như đối với dược liệu chưa thái khúc

Sài hồ tẩm rượu sao: Cách sao theo hướng dẫn tại Phụ lục 12.20. Tẩm rượu sao để trị gan nóng bốc hỏa, hoa mắt chóng mặt, ù tai, trẻ em bị đậu sởi, ngủ thấy chiêm bao sợ hãi.

Sài hồ tẩm giấm sao: Lấy Sài hồ đã thái khúc, cho giấm vào trộn đều, ủ cho đến khi giấm thấm hết vào lõi, cho vào chảo, sao nhỏ lửa, đảo đều đến khô. Dùng 12 L giấm cho 100 kg Sài hồ. Tẩm giấm sao để trị chứng can khí uất gây đau hai mạn sườn, bế kinh, kinh nguyệt không đều.

Bảo quản

Dược liệu chưa chế biến: Để nơi thoáng mát, tránh mốc mọt. Dược liệu đã chế biến: Để trong đồ đựng kín, tránh ẩm mốc, mất tinh dầu, nên dùng trong 30 ngày sau khi chế biến.

Tính vị, quy kinh

Vị đắng, tính bình. Vào các kinh can, đờm, tâm bào, tam tiêu.

Công năng, chủ trị

Sơ phong, tán nhiệt, thư can, thăng dương. Chủ trị: Cảm phong nhiệt phát sốt, trị chứng hàn nhiệt vãng lai (bán biểu bán lý), sốt rét, đau tức ngực, đau tức hai mạn sườn, kinh nguyệt không đều, sa dạ con, sa trực tràng, viêm túi mật.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 4 g đến 6 g, có thể dùng 9 g dạng thuốc sắc. Tán bột làm viên hoàn theo yêu cầu của bài thuốc.

Kiểm kỵ

Chứng hư hỏa không nên dùng.

Ghi chú

Thân rễ cây Sài hồ lá dài (*Bupleurum longiradiatum* Turcz) bề ngoài phù nhiều mấu tròn rất độc, không thể dùng làm vị thuốc Sài hồ được.

Hiện nay có dùng rễ cây Lức {Xem chuyên luận Lức (rễ)} thay Bắc sài hồ. Bắc sài hồ có mùi thơm hơn rễ cây Lức.

SÁP ONG TRẮNG

Cera alba

Sáp ong trắng là sáp ong vàng đã được tẩy màu.

Mô tả

Những khối sáp có hình dáng không nhất định, kích thước không đều nhau, thể rắn, màu trắng đục, cứng và giòn hơn Sáp ong vàng, không còn mùi mật ong, không vị, không tan trong nước, tan trong ethanol 96 % và ether nóng.

Tỷ trọng

Ở 20 °C: Khoảng 0,96 (Phụ lục 6.5).

Độ chảy

62 °C đến 69 °C (Phụ lục 6.7).

Mỡ, acid béo, nhựa và xà phòng

Yêu cầu và phương pháp thử: Xem chuyên luận “Sáp ong vàng”.

Chỉ số acid

Từ 17 đến 24.

Phương pháp thử: Xem chuyên luận “Sáp ong vàng”.

Chỉ số xà phòng

80 đến 100.

Phương pháp thử: Xem chuyên luận “Sáp ong vàng”.

Bảo quản

Để nơi thoáng mát, tránh nhiệt độ cao.

SÁP ONG VÀNG

Cera flava

Chất sáp lấy từ tổ các loài Ong mật (*Apis cerana* Fabr. hoặc *Apis mellifera* L.) hoặc các loài Ong mật khác thuộc chi *Apis*, họ Ong (Apidae).

Mô tả

Những mảnh hoặc cục nhỏ không đều nhau, hình dáng không nhất định, màu vàng hoặc nâu nhạt. Dùng tay bóp mềm ra và vụn được. Thể chất giòn hơn khi để ở nhiệt độ lạnh. Thoảng mùi mật ong, không vị. Không tan trong nước, tan được một phần trong ethanol 96 % nóng, tan trong ether nóng, cloroform, dầu béo và tinh dầu.